

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp: "Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngô Thị Bích V, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Huỳnh Đình Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Huỳnh Đình M, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Huỳnh Nhật Thiên L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4/ Huỳnh Đình Đại T, sinh ngày xx/xx/2006.

Đại diện theo pháp luật: Huỳnh Đình Đ, sinh năm 1981 (là cha cháu T)

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

5/ Huỳnh Thị Hồng P, sinh ngày xx/xx/2011.

Đại diện theo pháp luật: Ngô Thị Bích V, sinh năm 1986 (là mẹ cháu P)

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Anh Huỳnh Đình Đ, cháu Huỳnh Đình Đại T và Huỳnh Thị Hồng P được quản lý sử dụng căn nhà trên thửa đất số 99, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01700 ngày 01/8/2014 cấp cho ông Huỳnh Đình M tại ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi anh Đ phải giao lại căn nhà cho Huỳnh Đình Đại T và Huỳnh Thị Hồng P.

2. Anh Huỳnh Đình Đ có nghĩa vụ trả chị Huỳnh Thị Thanh T số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) như sau:

- Ngày 30/11/2019 trả 10.000.000 đồng.

- Ngày 30/12/2019 trả 10.000.000 đồng.

3. Anh Huỳnh Đình Đ có nghĩa vụ trả chị Huỳnh Nhật Thiên L số tiền 190.500.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu năm trăm ngàn đồng) như sau:

- Ngày 20/12/2019 trả 40.500.000 đồng.

- Ngày 20/4/2020 trả 25.000.000 đồng.

- Ngày 20/8/2020 trả 25.000.000 đồng.

- Ngày 20/12/2020 trả 25.000.000 đồng.

- Ngày 20/4/2021 trả 25.000.000 đồng.

- Ngày 20/8/2021 trả 25.000.000 đồng.

- Ngày 20/12/2021 trả 25.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Nhật Thiên L cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Huỳnh Đình Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Anh Huỳnh Đình Đ tự nguyện chịu 500.000 đồng và 4.762.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 5.262.500 đồng, được trừ vào số tiền 2.898.000 đồng theo biên lai thu số 46686 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Anh Đ còn phải nộp số tiền 2.364.500 đồng.

- Chị Huỳnh Thị Thanh T được nhận lại số tiền 500.000 đồng theo biên lai thu số 47015 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Huỳnh Nhật Thiên L được nhận lại số tiền 4.764.000 đồng theo biên lai thu số 47016 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Ngô Thị Bích V được nhận lại số tiền 3.427.500 đồng theo biên lai thu số 46146 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H.Gò Công Đông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Văn Dũng